

Số: 26/NQ-HĐND

Chiềng Mung, ngày 18 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CHIỀNG MUNG
KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026–2030; Công văn số 6128/UBND-TH ngày 21/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc triển khai Chỉ thị số 31/CT-TTg; Công văn số 4125/STC-THQH ngày 15/10/2025 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026–2030;

Xét Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 12/12/2025 của UBND xã Chiềng Mung về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026–2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021–2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026–2030; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân xã Chiềng Mung và ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026–2030, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

1.1. Mục tiêu

Giai đoạn 2026–2030, xây dựng xã Chiềng Mung phát triển ổn định, bền vững; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế nông – lâm nghiệp hàng hóa gắn với thương mại, dịch vụ và du lịch cộng đồng; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản xuất nông nghiệp. Hoàn thiện từng bước kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội và hạ tầng số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính và chuyển đổi số toàn diện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và an sinh xã hội; giảm nghèo bền vững, thu hẹp chênh lệch giữa các thôn, bản. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; giữ vững

quốc phòng – an ninh, bảo đảm an ninh nông thôn, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nền tảng để xã phát triển nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026–2030: Gồm 22 chỉ tiêu, cụ thể:

1.2.1. Chỉ tiêu kinh tế (05 chỉ tiêu)

(1) Năm 2026, thu ngân sách trên địa bàn đạt 28,528 tỷ đồng; duy trì tốc độ tăng bình quân 10–12%/năm; đến năm 2030 thu ngân sách đạt 40,5–41,77 tỷ đồng; tổng thu giai đoạn 2026–2030 ước đạt khoảng 174,17 tỷ đồng.

(2) Duy trì diện tích cây cà phê khoảng 1.200–1.250 ha đến năm 2030; phát triển diện tích cây ăn quả đạt khoảng 1.800–1.900 ha vào năm 2030; và diện tích rau các loại đạt 310–350 ha vào năm 2030.

(3) Phát triển du lịch cộng đồng; đến năm 2030 đón khoảng 2.300 lượt khách/năm; tổng lượt khách giai đoạn 2026–2030 đạt 10.000 lượt; doanh thu du lịch năm 2030 đạt khoảng 0,6 tỷ đồng.

(4) Đến năm 2030, số doanh nghiệp, công ty tư nhân và hợp tác xã hoạt động trên địa bàn đạt khoảng 65 đơn vị.

(5) Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt 1.5% tổng chi ngân sách hàng năm.

1.2.2. Chỉ tiêu xã hội (10 chỉ tiêu)

(6) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 36–40%; giai đoạn 2026–2030 đưa 100 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

(7) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% vào năm 2030.

(8) Tỷ lệ hộ nghèo toàn xã giảm còn 1,5% vào năm 2030.

(9) Duy trì 100% trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia; phấn đấu 28,5% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II (02 trường).

(10) Đến năm 2030, 100% thôn, bản có nhà văn hóa; tỷ lệ hộ đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt 85–86%.

(11) Tỷ lệ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 100% vào năm 2030.

(12) Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện đạt 100% vào năm 2030.

(13) Duy trì 100% cơ quan, doanh nghiệp, trường học đạt chuẩn “An ninh, trật tự”; 100% khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

(14) Đến năm 2030, tỷ lệ thôn, bản chuyển hóa không có ma túy đạt 80% (34/42 thôn, bản).

(15) Phấn đấu đến năm 2030 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(Có Biểu chi tiết gửi kèm theo)

1.2.3. Chỉ tiêu về môi trường (03 chỉ tiêu)

(15) Đến năm 2030, tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó 30% dân số sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

(16) Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom, xử lý đạt 80–85%; tỷ lệ phân loại rác tại nguồn đạt 60% vào năm 2030.

(17) Tỷ lệ che phủ duy trì đạt 33,3% vào năm 2030, trong đó tỷ lệ che phủ rừng đạt 21,36%, cây ăn quả thân gỗ trồng trên đất dốc chiếm 11,94%.

1.2.4. Chỉ tiêu về quốc phòng – an ninh (01 chỉ tiêu)

(18) Tỷ lệ huấn luyện dân quân tự vệ đạt 100%; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hằng năm; bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, không để phát sinh “điểm nóng” về an ninh, trật tự.

1.2.5. Chỉ tiêu về chuyển đổi số (03 chỉ tiêu)

(19) Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 67% vào năm 2030.

(20) Tỷ lệ cán bộ, công chức xã sử dụng thành thạo phần mềm quản lý văn bản và điều hành đạt 95% vào năm 2030.

(21) Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa xã và các cơ quan, đơn vị bằng hình thức điện tử (trừ văn bản mật) đạt 100%.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số; phát triển các vùng chuyên canh cà phê, cây ăn quả, rau màu gắn với chăn nuôi an toàn sinh học, kinh tế vườn, kinh tế rừng và xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Khuyến khích phát triển kinh tế hộ, kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân; hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tham gia chuỗi giá trị, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm đặc trưng. Huy động đa dạng nguồn lực (ngân sách, chương trình mục tiêu, xã hội hóa) để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội, ưu tiên giao thông nông thôn, thủy lợi nhỏ, trường học, nhà văn hóa, trạm y tế và hạ tầng số; tăng cường quản lý tài chính, tài sản công, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

2.2. Duy trì, củng cố các cơ sở chế biến nông sản, làng nghề, tiểu thủ công nghiệp; khuyến khích đổi mới công nghệ, sử dụng năng lượng tiết kiệm, giảm ô nhiễm môi trường. Phát triển hệ thống thương mại, dịch vụ tại trung tâm xã và thôn, bản; mở rộng mô hình kinh doanh tổng hợp gắn với tiêu thụ nông sản. Đẩy mạnh du lịch cộng đồng dựa trên bản sắc văn hóa dân tộc, cảnh quan tự nhiên và sản phẩm nông nghiệp đặc trưng; tăng cường quảng bá, ứng dụng thương mại điện tử và chuyển đổi số trong giới thiệu sản phẩm, điểm đến du lịch.

2.3. Xây dựng đời sống văn hóa, thể thao ở cơ sở gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; hoàn thiện, nâng cấp thiết chế

văn hóa – thể thao; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, gắn phát triển văn hóa với du lịch cộng đồng. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động y tế xã, y tế thôn, bản; tăng cường y tế dự phòng, bảo đảm an toàn thực phẩm, quản lý hồ sơ sức khỏe người dân. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì trường chuẩn quốc gia; tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, truyền thống văn hóa; đẩy mạnh đào tạo nghề, hướng nghiệp, giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách đối với người có công, hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội; triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, hỗ trợ sinh kế, xóa nhà tạm, giảm nghèo bền vững, nhất là vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường phòng, chống ma túy, hỗ trợ người nghiện, người sau cai tái hòa nhập cộng đồng.

2.4. Tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản; sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy hoạch; xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm, sử dụng sai mục đích, xây dựng trái phép. Đẩy mạnh thu gom, phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn; xây dựng cảnh quan sáng – xanh – sạch – đẹp; bảo vệ và phát triển rừng, cây xanh, khoanh nuôi, tái sinh và trồng cây phân tán, gắn nâng cao độ che phủ rừng với sinh kế bền vững. Tổ chức thực hiện tốt quy hoạch xây dựng nông thôn và quy hoạch sử dụng đất; phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nông thôn; thu hẹp khoảng cách giữa các thôn, bản. Tăng cường tuyên truyền sử dụng năng lượng tiết kiệm, thân thiện với môi trường; chủ động xây dựng và triển khai phương án phòng, chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”, bố trí, di dời dân khỏi vùng có nguy cơ sạt lở, lũ quét; nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu ngay từ cơ sở.

2.5. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh Nhân dân và thể trận lòng dân vững chắc; nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dân quân tự vệ; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hằng năm. Chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện, xử lý kịp thời vụ việc phức tạp ngay từ cơ sở, không để hình thành “điểm nóng”; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, cờ bạc, tín dụng đen; bảo đảm an ninh, an toàn trong chuyển đổi số và sử dụng mạng xã hội. Tăng cường đối ngoại Nhân dân, giao lưu, hợp tác, tranh thủ các chương trình, dự án, nguồn lực hỗ trợ của cấp trên và các tổ chức, cá nhân để phát triển hạ tầng, giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh xã hội; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, nâng cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm công vụ và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; cụ thể hóa thành kế hoạch hằng năm, phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận, đơn vị, thôn, bản; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

2. Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã và các vị đại biểu HĐND

xã giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị – xã hội phối hợp giám sát, phản biện xã hội, đồng thời vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết.

3. HĐND xã kêu gọi Nhân dân các dân tộc, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026–2030.

4. UBND xã định kỳ báo cáo HĐND xã về kết quả thực hiện Nghị quyết; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung giải pháp khi cần thiết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Chiềng Mung khoá XXI, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các vị Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng chuyên môn xã;
- Các thôn, bản của xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

} Báo cáo

CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Bình

